



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

Lớp: Thú y Ninh Thuận (DH19TYNT)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 (30%)	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19112368	Trần Thị Mỹ Duyên	<i>[Signature]</i>	1	7.0		4.0	4.9	0012345678910	0123456789
2	19112366	Đỗ Anh Đào	<i>[Signature]</i>	1	7.0		5.0	5.6	0012345678910	0123456789
3	19112369	Mai Văn Hạnh	<i>[Signature]</i>	2	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789
4	19112309	Trần Đăng Huy	<i>[Signature]</i>	1	8.0		9.0	8.7	0012345678910	0123456789
5	19112409	Nguyễn Đức Huỳnh Thanh Lâm	<i>[Signature]</i>	1	6.0		2.0	3.2	0012345678910	0123456789
6	19112370	Nguyễn Công Minh	<i>[Signature]</i>	1	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789
7	19112311	Trần Đức Minh	<i>[Signature]</i>	1	7.0		7.0	7.0	0012345678910	0123456789
8	19112312	Lê Hải Nam	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
9	19112410	Bùi Viết Nghĩa	<i>[Signature]</i>	1	7.0		7.0	7.0	0012345678910	0123456789
10	19112411	Nguyễn Quỳnh Trúc Nhã	<i>[Signature]</i>	1	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789
11	19112373	Nguyễn Yên Nhi	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
12	19112313	Phạm Hoàng Phúc	<i>[Signature]</i>	1	8.0		7.0	7.3	0012345678910	0123456789
13	19112376	Võ Phúc	<i>[Signature]</i>	1	7.0		8.0	7.7	0012345678910	0123456789
14	19112412	Lâm Tạ Tiểu Phụng	<i>[Signature]</i>	4	8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
15	19112377	Nguyễn Thị Thanh Phụng	<i>[Signature]</i>	1	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789
16	19112314	Nguyễn Kiều Tài	<i>[Signature]</i>	1	8.0		8.0	8.0	0012345678910	0123456789
17	19112379	Hoàng Thanh Thẩm	<i>[Signature]</i>	1	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789
18	19112316	Bùi Nguyễn Anh Thư	<i>[Signature]</i>	1	7.0		3.5	4.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

Lớp: Thú y Ninh Thuận (DH19TYNT)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
19	19112381	Lê Thị Bích Tiên		1	7.0		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
20	19112320	Lê Thảo Viên		1	6.0		2,0	3,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Minh Hoa

Lê Huy Hoàng

Trương Thị Mỹ Hà

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 (30%)	Đ2 %	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19120278	Trần Thị Hồng	Ân	DH19QNTNT		7.0		2.0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19125558	Huỳnh Thị Thu	Cúc	DH19QNTNT		7.0		8.0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19122421	Nguyễn Thanh	Danh	DH19QNTNT		7.0		4.0	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19122378	Nguyễn Quốc	Dũng	DH19QNTNT		7.0		7.0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19123500	DƯƠNG THỊ HOÀI	DUYÊN	DH19QNTNT						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19122422	Hàng Huy	Định	DH19QNTNT		7.0		4.0	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19122423	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	DH19QNTNT		6.0		6.0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19122424	Nguyễn Trung	Hưng	DH19QNTNT						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19120279	Phạm Phùng Đăng	Khải	DH19QNTNT		7.0		5.0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19122405	Trương Xuân	Khoa	DH19QNTNT		6.0		7.0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19122406	Phan Nguyễn Anh	Khôi	DH19QNTNT						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19122407	Nguyễn Thị	Kim	DH19QNTNT		8.0		8.0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19120273	Lê Nhật	Nam	DH19QNTNT		7.0		5.0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19125546	Trần Trọng	Nhân	DH19QNTNT		7.0		5.0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19122426	Nguyễn Thị Hoàn	Nhung	DH19QNTNT						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19122430	Trương Quỳnh	Như	DH19QNTNT		7.0		8.5	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 18432

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107) - 200

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19125562	Huỳnh Thị Nữ	DH19QTNT			7.0		5.5	6.0	00012345678910	0123456789
18	19122388	Huỳnh Trần Sơn	DH19QTNT							00012345678910	0123456789
19	19122427	Phạm Ngọc Sơn	DH19QTNT							00012345678910	0123456789
20	19122429	Trương Thị Minh Thi	DH19QTNT			7.0		6.0	6.3	00012345678910	0123456789
21	19122413	Trần Thị Ngọc Thư	DH19QTNT			7.0		7.0	7.0	00012345678910	0123456789
22	19122428	Mai Văn Toàn	DH19QTNT			7.0		6.0	6.3	00012345678910	0123456789
23	19122414	Trần Quỳnh Trân	DH19QTNT							00012345678910	0123456789
24	19122415	Ngô Duy Tùng	DH19QTNT			7.0		2.0	3.5	00012345678910	0123456789
25	19120280	Phạm Hải Yến	DH19QTNT			7.0		1.0	2.8	00012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 07 Hiện diện: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Thu Hà

Thảo Như Anh

Trương Thị Mỹ Hà



Mã nhận dạng 07756



Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107) - 202

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19116158	Trần Thanh Cao	DH19NTNT		1	8.0		3,5	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18113220	Dương Thị Mỹ Chi	DH19NTNT		1	9.0		6,0	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19116159	Đỗ Quốc Cường	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19116162	Nguyễn Thùy Duyên	DH19NTNT		1	8.0		8,0	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19116160	Bùi Xuân Đạt	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19116163	Nguyễn Xuân Hậu	DH19NTNT		1	8.0		5,5	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19116154	Lê Văn Khiêm	DH19NTNT		1	8.0		6,0	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19113217	Đỗ Văn Khoa	DH19NTNT		1	8.0		4,0	5,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19116167	Bùi Xuân Nhân	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19116168	Bá Quốc Nhật	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19113218	Lê Quỳnh Anh Phương	DH19NTNT		1	9.0		5,0	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19116170	Lê Thuần Quỳnh	DH19NTNT		1	8.0		8,0	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19116179	Đồng Thị Kim Tặng	DH19NTNT		1	8.0		3,5	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19116171	Lai Quốc Thái	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19116156	Nguyễn Quyết Thắng	DH19NTNT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19116174	Lê Thị Thành Thụy	DH19NTNT		1	8.0		8,0	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 07756

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107) - 202

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19116173	Hán Thị Anh Thư	DH19NTNT							0012345678910	0123456789
18	19125564	Nguyễn Nhật Tiến	DH19NTNT							0012345678910	0123456789
19	19116176	Võ Ngọc Tú	DH19NTNT		1	8.0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	19116177	Phạm Hoàng Minh Tuấn	DH19NTNT		1	8.0		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
21	19112382	Nguyễn Anh Tuấn	DH19NTNT		1	8.0		7,0	7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 08 Hiện diện: 13

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Thị Kim Tuyền

Đoàn Xuân Phay

Trương T. Nguyễn



Mã nhận dạng 00268



Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107) - HLNT

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18116116	Nguyễn Xuân Thị Diệu Hương	DH18NTNT			7.0		3,5	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Thị Kim Tuyền

Nguyễn Xuân Phong

Trương T. Mỹ Hà



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

Lớp: Kế toán Ninh Thuận (DH19KENT)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 (30%)	Đ2 %	Điểm thi (70%)	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19123500	DƯƠNG THỊ HOÀI DUYÊN							0012345678910	0123456789
2	19123243	Trần Thị Đạt	<i>[Signature]</i>		7.0		1.0	2,8	0012345678910	0123456789
3	19123268	Trần An Hải	<i>[Signature]</i>		8.0		6.0	6,6	0012345678910	0123456789
4	19123244	Phạm Thị Hiếu	<i>[Signature]</i>		8.0		4,5	5,6	0012345678910	0123456789
5	19123245	Nguyễn Đặng Thị Hoa	<i>[Signature]</i>		8.0		2,0	3,8	0012345678910	0123456789
6	19123246	Trương Thị Hường							0012345678910	0123456789
7	19123208	Đỗ Thị Hy	<i>[Signature]</i>		8.0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
8	19123269	Lê Dương Hoàng Ngân	<i>[Signature]</i>		7.0		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
9	19123248	Lương Huyền Ngân	<i>[Signature]</i>		7.0		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
10	19123270	Nguyễn Thị Ngọc	<i>[Signature]</i>		7.0		1,0	2,8	0012345678910	0123456789
11	19123249	Nguyễn Thị Thu							0012345678910	0123456789
12	19123250	Phan Thị Thanh Ngân	<i>[Signature]</i>		7.0		1,0	2,8	0012345678910	0123456789
13	19123251	Võ Thị Thanh Nhân	<i>[Signature]</i>		8.0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
14	19123209	Huỳnh Thị Yến Nhi	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
15	19123252	Đỗ Thị Ngọc Nhung							0012345678910	0123456789
16	19123253	Lê Thị Diễm Quỳnh							0012345678910	0123456789
17	19123211	Trần Thị Thanh Thi	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
18	19123255	Phạm Thị Thiết	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

Lớp: Kế toán Ninh Thuận (DH19KENT)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
19	19123256	Nguyễn Thị Minh	Thư	1	8.0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
20	19123258	Nguyễn Hoàng Thiên	Trang	1	8.0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
21	19123259	Nguyễn Hữu Thùy	Trang	1	8.0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
22	19123214	Trần Lê Minh	Trang	1	8.0		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
23	19123261	Nguyễn Trịnh Minh	Triết						0012345678910	0123456789
24	19123262	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	1	8.0		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
25	19125565	Nguyễn Thị Trâm	Vân	1	8.0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
26	19123271	Phan Thị Kim	Yến	1	8.0		5,0	5,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2 + 3

Hiện diện: 10 + 10

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

P.20 + 25
Đặng Minh Tuấn

Trương Thị Mỹ Hà

Trương Thị Mỹ Hà

Đặng Ngọc Hương

Trần Mai Ly Na